**BÀI TẬP ĐỊA LÍ 6**

**(150 Câu Hỏi)**

**Bài 1. VỊ TRÍ, HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

\* Mức độ: Nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Hệ Mặt Trời gồm có bao nhiêu hành tinh? Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ mấy?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Hệ Mặt Trời gồm có 8 hành tinh. Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ ba, lần lượt là sao Thủy, sao Kim, Trái Đất, sao Hỏa, sao Mộc, sao Thổ, Thiên Vương và Hải Vương. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

\* Chuẩn cần đánh giá: Hình dạng và kích thước của Trái Đất.

\* Mức độ: Nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Trái Đất có hình dạng và kích thước như thế nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Trái Đất có dạng hình cầu và kích thước rất lớn (bán kính 6.370 km). |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được khái niệm kinh tuyến, vĩ tuyến.

\* Mức độ: Nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Em hãy cho biết thế nào là kinh tuyến, vĩ tuyến?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Kinh tuyến là đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu. Vĩ tuyến là vòng tròn trên quả Địa Cầu vuông góc với các kinh tuyến. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết khái niệm kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc; kinh tuyến Đông (Tây), vĩ tuyến Bắc (Nam).

\* Mức độ: Nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Thế nào vĩ tuyến gốc?* *vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam? Thế nào là kinh tuyến gốc? kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  - Vĩ tuyến gốc (0o) là vĩ tuyến lớn nhất trên quả Địa Cầu, chia quả Địa Cầu thành 2 nửa bằng nhau: nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam. Vĩ tuyến gốc còn gọi là Xích đạo.Vĩ tuyến Bắc là những vĩ tuyến nằm từ Xích đạo đến cực Bắc.Vĩ tuyến Nam là những vĩ tuyến nằm từ Xích đạo đến cực Nam.  - Kinh tuyến gốc (0o) là kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh), đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến 1800.Kinh tuyến Đông là những kinh tuyến nằm bên phải kinh tuyến gốc.Kinh tuyến Tây là những kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc. |

**Bài 3. TỈ LỆ BẢN ĐỒ**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết tỉ lệ bản đồ.

\* Mức độ: Thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Tỉ lệ bản đồ được biểu hiện ở mấy dạng? Tỉ lệ bản đồ cho chúng ta biết điều gì?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Có hai dạng tỉ lệ bản đồ:  - Tỉ lệ số: là một phân số luôn có tử số là 1. Mẫu số là số cho biết bản đồ được thu nhỏ lại bao nhiêu lần. Mẫu số càng lớn thì tỉ lệ càng nhỏ và ngược lại. Tỉ lệ số cho biết ứng với một đơn vị trên bản đồ là bao nhiêu đơn vị trên thực địa.  - Tỉ lệ thước: tỉ lệ được vẽ cụ thể dưới dạng một thước đo đã tính sẵn, mỗi đoạn đều ghi số đo độ dài tương ứng trên thực địa. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết đọc tỉ lệ bản đồ.

\* Mức độ: Vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.***Dựa vào số ghi tỉ lệ của các tờ bản đồ sau đây: 1: 200.000 và*  *1: 6.000.000, cho biết 5cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.**  **-** Với tờ bản đồ có tỉ lệ 1:200.000 thì 5cm trên bản đồ ứng với 10km trên thực địa.  - Với tờ bản đồ có tỉ lệ 1:6.000.000 thì 5cm trên bản đồ ứng với 300km trên thực địa. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết đọc tỉ lệ bản đồ.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Dựa vào tỉ lệ bản đồ chúng ta biết được*  A. bản đồ đó lớn hay nhỏ.  B. kích thước của các đối tượng địa lí trên bản đồ.  C. các khoảng cách giữa các đối tượng trên bản đồ đã được thu nhỏ bao nhiêu lần so với thực địa.  D. trên bản đồ có nhiều hay ít đối tượng địa lí được biểu hiện. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** C |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết đọc tỉ lệ bản đồ.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 4*.*** *Trên tờ bản đồ tỉ lệ 1:200.000, người ta đo được khoảng cách giữa Hà Nội - Hải Dương là 3 cm và Hà Nội - Phú Thọ là 6 cm. Hãy cho biết khoảng cách trên thực địa giữa các địa điểm trên là bao nhiêu km?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Khoảng cách thực địa giữa Hà Nội – Hải Dương là 60 km*.*Hà Nội – Phú Thọ là 120 km. |

**Bài 4. PHƯƠNG HƯỚNG TRÊN BẢN ĐỒ. KINH ĐỘ, VĨ ĐỘ**

**VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết một số yếu tố cơ bản về phương hướng trên bản đồ.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Hãy vẽ sơ đồ các hướng chính được quy định trên bản đồ.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Sơ đồ các hướng chính được quy định trên bản đồ.  Đông Bắc  **Đông**  Đông Nam  **Nam**  Tây Nam  **Tây**  Tây Bắc  **Bắc** |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết một số yếu tố cơ bản về phương hướng trên bản đồ.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Muốn xác định được phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào*  A. kí hiệu bản đồ.  B. bảng chú giải.  C. các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.  D. toạ độ của các địa điểm trên bản đồ. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** C. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết một số yếu tố cơ bản về phương hướng trên bản đồ.

\* Mức độ: vận dụng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÂU HỎI   |  |  | | --- | --- | | **Câu 3.**  *Quan sát hình vẽ (khu vực Đông Bắc Á), cho biết các hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D.* |  | |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.**  - Đầu tiên xác định các đường kinh tuyến, vĩ tuyến trong hình. Đường song song với kinh tuyến là đường chỉ hướng bắc - nam; đường song song với vĩ tuyến là đường chỉ hướng đông - tây. Ta thấy AOC là đường song song với kinh tuyến, DOB là đường song song với vĩ tuyến.  - Các hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D:  + O đến A : theo hướng bắc*.*  + O đến C : theo hướng nam*.*  + O đến B : theo hướng đông *.*  + O đến D : theo hướng tây*.* |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết xác định tọa độ địa lí.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Thế nào là kinh độ, vĩ độ, toạ độ địa lí của một điểm. Toạ độ địa lí của một điểm là* { *cho biết điều gì?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  - Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.  Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc (đường Xích đạo).  Kinh độ và vĩ độ của một điểm được gọi chung là toạ độ địa lí của điểm đó.  - Điểm có toạ độ địa lí là { (nằm trên kinh tuyến 200T và vĩ tuyến 100B) nghĩa là điểm đó nằm cách kinh tuyến gốc 200 về phía tây và nằm cách Xích đạo 100 về phía bắc. |

**Bài 5. KÍ HIỆU BẢN ĐỒ.**

**CÁCH BIỂU HIỆN ĐỊA HÌNH TRÊN BẢN ĐỒ**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết một số yếu tố cơ bản về kí hiệu bản đồ.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 1.** *Kí hiệu bản đồ là gì? Nêu ý nghĩa của kí hiệu bản đồ.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.**  - Kí hiệu bản đồ là những dấu hiệu quy ước, dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Kí hiệu bản đồ dùng để biểu hiện vị trí, đặc điểm… của các đối tượng địa lí được đưa lên bản đồ. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết một số yếu tố cơ bản về kí hiệu bản đồ.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 2.***Kí hiệu bản đồ là*  A. phương pháp để vẽ bản đồ địa lí.  B. kích thước của một bản đồ được thu nhỏ so với thực tế.  C. dấu hiệu được quy ước dùng để biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.  D. hình vẽ trên bản đồ để thay thế cho các đối tượng địa lí. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** C. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết một số yếu tố cơ bản về kí hiệu bản đồ.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 3.** *Kể tên các loại kí hiệu bản đồ thường dùng và nêu ví dụ.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Có 3 loại kí hiệu bản đồ thường dùng là:  - Kí hiệu điểm. Ví dụ: thể hiện các nhà máy, sân bay, cảng biển…  - Kí hiệu đường. Ví dụ: thể hiện đường giao thông, ranh giới quốc gia…  - Kí hiệu diện tích. Ví dụ: thể hiện vùng trồng lúa, vùng trồng cây công nghiệp… |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Bản đồ.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết một số yếu tố cơ bản về kí hiệu bản đồ.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 4*.*** *Để thể hiện độ cao địa hình trên bản đồ, người ta thường sử dụng các phương pháp nào? Vì sao khi sử dụng bản đồ, trước hết chúng ta cần tìm đọc bảng chú giải.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  **-** Độ cao của địa hình trên bản đồ được biểu hiện bằng các thang màu hoặc bằng đường đồng mức.  Thang màu là những màu sắc có độ đậm nhạt khác nhau. Màu càng đậm thì thể hiện địa hình càng cao hoặc càng sâu.  Đường đồng mức là những đường nối những điểm có cùng độ cao hoặc độ sâu. Đường đồng mức càng gần nhau thì địa hình càng dốc.  - Bảng chú giải của bản đồ giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của các kí hiệu dùng trên bản đồ. Vì hệ thống các kí hiệu của bản đồ rất đa dạng nên khi đọc bản đồ, trước hết chúng ta cần đọc bảng chú giải để nắm được đầy đủ ý nghĩa của các kí hiệu sử dụng trên bản đồ. |

**Bài 7. SỰ VẬN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT**

**VÀ CÁC HỆ QUẢ**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 1.** *Hãy mô tả vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Trái Đất tự quay quanh một trục tưởng tượng nối liền hai cực và nghiêng 66o33' trên mặt phẳng quỹ đạo. Hướng tự quay là từ Tây sang Đông. Thời gian Trái Đất tự quay một vòng quanh trục là một ngày đêm (24 giờ). |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 2.** *Hãy nêu các hệ quả của vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Hệ quả:  - Do Trái Đất tự quay quanh trục từ Tây sang Đông nên khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày, đêm.  - Sự chuyển động của Trái Đất quanh trục còn làm cho các vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất bị lệch hướng. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

\* Mức độ: thông hiểu-vận dụng

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 3.** *Tại sao có hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau ở khắp mọi nơi trên Trái Đất? Khi Luân Đôn (khu vực giờ 0) là 7 giờ sáng thì Hà Nội (khu vực giờ thứ 7) là mấy giờ?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.**  - Do Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng được một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm. Nhờ có sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất nên ở khắp nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm.  - Luân Đôn (khu vực giờ 0) và Hà Nội (khu vực giờ số 7) nằm cách nhau 7 khu vực giờ. Khi Luân Đôn là 0 giờ thì Hà Nội là 7 giờ. Vậy khi Luân Đôn là 7 giờ sáng thì Hà Nội là 14 giờ, tức 2 giờ chiều. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Trình bày về sự lệch hướng của các vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  - Do sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất nên các vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất bị lệch hướng. Ở nửa cầu Bắc, nếu nhìn xuôi theo hướng chuyển động thì vật chuyển động sẽ lệch về bên phải. Còn ở nửa cầu Nam, vật chuyển động sẽ lệch về bên trái.  - Hình vẽ minh hoạ:  Hướng chuyển động ban đầu  Hướng chuyển động bị lệch |

**Bài 8. SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT QUANH MẶT TRỜI**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Hãy mô tả sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.**  - Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo có hình elip gần tròn. Thời gian chuyển động một vòng là 365 ngày 6 giờ.  - Khi chuyển động quanh Mặt Trời, Trái Đất vẫn đồng thời tự quay quanh trục.  - Trong khi chuyển động trên quỹ đạo (quanh Mặt Trời), Trái Đất lúc nào cũng giữ nguyên độ nghiêng, đồng thời hướng nghiêng của trục không đổi. Sự chuyển động đó gọi là sự chuyển động tịnh tiến. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Khi chuyển động quanh Mặt Trời, trục của Trái Đất*  A. không thay đổi độ nghiêng và hướng nghiêng.  B. luôn thay đổi độ nghiêng và hướng nghiêng.  C. thay đổi độ nghiêng, nhưng không thay đổi hướng nghiêng.  D. thay đổi hướng nghiêng, nhưng không thay đổi độ nghiêng. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** A. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Hiện tượng các mùa.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Trình bày về hiện tượng các mùa trên Trái Đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trong khi chuyển động trên quỹ đạo nên Trái Đất có lúc ngả nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời.  Nửa cầu nào ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu sáng lớn, nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt. Lúc ấy là mùa nóng của nửa cầu đó.  Nửa cầu nào không ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt. Lúc ấy là mùa lạnh của nửa cầu đó. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Hiện tượng các mùa.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Vào những ngày nào trong năm, hai nửa cầu Bắc và Nam đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Vào các ngày 21-3, 23-9, hai nửa cầu có góc chiếu sáng của Mặt Trời như nhau nên nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau. |

**Bài 9. HIỆN TƯỢNG NGÀY ĐÊM DÀI NGẮN THEO MÙA**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Giải thích hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa trên Trái Đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Trong khi chuyển động quanh Mặt Trời, Trái Đất lúc nào cũng chỉ được chiếu sáng một nửa. Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương nên Trái Đất có lúc chúc nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời.  Vào mùa hạ của nửa cầu Bắc, nửa cầu Bắc chúc về phía Mặt Trời, diện tích nhận được ánh sáng (ban ngày) lớn hơn diện tích khuất Mặt Trời (ban đêm) nên ngày dài hơn đêm. Khi này nửa cầu Nam là mùa đông, diện tích nhận được ánh sáng nhỏ hơn diện tích khuất Mặt Trời nên đêm dài hơn ngày.  Vào mùa hạ của nửa cầu Nam, tình hình xảy ra ngược lại: nửa cầu Nam có ngày dài hơn đêm, nửa cầu Bắc có đêm dài hơn ngày. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Cho biết sự khác nhau về hiện tượng ngày đêm dài ngắn ở các vĩ độ trên Trái Đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Càng xa Xích đạo về phía hai cực, biểu hiện của hiện tượng ngày, đêm dài ngắn càng rõ rệt.  Các địa điểm nằm trên đường Xích đạo, quanh năm lúc nào cũng có ngày, đêm dài ngắn như nhau. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Vào ngày 22-6 (hạ chí), ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến bao nhiêu? Vĩ tuyến đó là đường gì?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Vào ngày 22-6 (hạ chí), ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến 23027'B. Vĩ tuyến đó là chí tuyến Bắc. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

\* Chuẩn cần đánh giá: Hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Vào các ngày 22-6 và 22-12, độ dài ngày đêm ở hai điểm Cực như thế nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Vào ngày 22-6, cực Bắc có ngày dài 24 giờ (không có đêm) còn cực Nam đêm dài 24 giờ (không có ngày). Ngày 22-12 thì ngược lại, cực Bắc có đêm dài 24 giờ còn cực Nam có ngày dài 24 giờ. |

**Bài 10. CẤU TẠO BÊN TRONG CỦA TRÁI ĐẤT**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được tên các lớp cấu tạo của Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp? Là những lớp nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm 3 lớp: lớp ngoài cùng là vỏ Trái Đất, lớp ở giữa là lớp trung gian và trong cùng là lõi. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được đặc điểm lớp trung gian của Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Lớp trung gian của Trái Đất có cấu tạo như thế nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Lớp trung gian có độ dày gần 3000 km, vật chất ở trạng thái từ quánh dẻo đến lỏng, nhiệt độ trong lớp này dao động khoảng 15000 C đến 47000 C. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được đặc điểm của lớp lõi Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Lớp lõi Trái Đất có cấu tạo như thế nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Lõi Trái Đất có độ dày trên 3000 km, vật chất ở trạng thái lỏng ở ngoài và rắn ở trong, nhiệt độ cao nhất khoảng 50000 C. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được cấu tạo và vai trò của lớp vỏ Trái Đất.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Trình bày cấu tạo của lớp vỏ Trái Đất. Nêu vai trò của nó đối với đời sống và hoạt động của con người.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  - Cấu tạo của lớp vỏ Trái Đất :  + Là lớp đá rắn chắc ở ngoài cùng Trái Đất, mỏng (độ dày dao động từ 5km ở đại dương đến 70km ở lục địa) chiếm 15% thể tích và 0,5% khối lượng của Trái Đất.  + Vỏ Trái Đất được cấu tạo do một số địa mảng nằm kề nhau ; các địa mảng này có bộ phận nổi cao trên mực nước biển là lục địa, các đảo, còn bộ phận trũng, thấp bị nước bao phủ là đại dương.  - Vai trò đối với đời sống và hoạt động của con người : là nơi tồn tại của các thành phần tự nhiên khác (không khí, nước, sinh vật,...) và là nơi sinh sống, hoạt động của xã hội loài người. |

**Bài 11. Thực hành: SỰ PHÂN BỐ CÁC LỤC ĐỊA VÀ ĐẠI DƯƠNG**

**TRÊN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được tỉ lệ lục địa và đại dương trên Trái Đất.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Căn cứ vào hình dưới đây*, *hãy cho biết tỉ lệ diện tích lục địa và đại dương trên Trái Đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Đại dương chiếm phần lớn diện tích Trái Đất (60,6% ở nửa cầu Bắc và 81% ở nửa cầu Nam), lục địa chỉ chiếm diện tích nhỏ. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được sự phân bố lục địa trên Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Phần lớn các lục địa đều tập trung ở*  A. nửa cầu Bắc. C. nửa cầu Đông.  B. nửa cầu Nam. D. nửa cầu Tây. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** A |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được sự phân bố lục địa trên Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Lục địa nào có diện tích lớn nhất, lục địa nào có diện tích nhỏ nhất ?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Lục địa lớn nhất là lục địa Á - Âu, lục địa nhỏ nhất là lục địa Ô-xtrây-li-a. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được sự phân bố đại dương trên Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Phần lớn các đại dương đều tập trung ở*  A. nửa cầu Bắc. C. nửa cầu Đông.  B. nửa cầu Nam. D. nửa cầu Tây. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** B |

**Bài 12. TÁC ĐỘNG CỦA NỘI LỰC VÀ NGOẠI LỰC TRONG VIỆC HÌNH THÀNH ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được khái niệm nội lực và tác động của chúng đến địa hình trên bề mặt Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết - thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Thế nào là quá trình nội lực?* *Nêu những tác động của nội lực đến địa hình trên bề mặt Trái Đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.**  - Nội lực là những lực sinh ra ở bên trong Trái Đất, có tác động nén ép vào các lớp đá, làm cho chúng bị uốn nếp, đứt gãy hay đẩy các vật chất nóng chảy ở dưới sâu ra ngoài mặt đất thành hiện tượng núi lửa hoặc động đất.  - Tác động tới địa hình: có nơi được nâng cao hình thành các dãy núi, có nơi bị hạ thấp... làm cho địa hình gồ ghề. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được khái niệm ngoại lực và tác động của chúng đến địa hình trên bề mặt Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết-thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Thế nào là quá trình ngoại lực?* *Nêu những tác động của ngoại lực đến địa hình trên bề mặt Trái Đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.**  - Ngoại lực là những lực sinh ra ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất, chủ yếu gồm có hai quá trình: quá trình phong hoá các loại đá và quá trình xâm thực (do gió, nước chảy...).  - Do tác động của nhiệt độ, gió, mưa, nước chảy,... nên bề mặt địa hình bị bào mòn, hạ thấp hoặc lấp trũng... làm cho địa hình bằng phẳng hơn. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được hiện tượng động đất và tác hại của chúng.

\* Mức độ: thông hiểu-vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Thế nào là hiện tượng động đất? Nêu tác hại của động đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.**  - Động đất là hiện tượng các lớp đất đá gần mặt đất bị rung chuyển do những chuyển động trong lòng Trái Đất.  - Những trận động đất lớn làm cho nhà cửa, đường sá, cầu cống... bị phá hủy và làm nhiều người chết. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được khái niệm mác ma.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Mác ma là gì?.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Những vật chất nóng chảy ở dưới sâu trong lòng Trái Đất được gọi là mác ma. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được hiện tượng núi lửa và tác hại của chúng.

\* Mức độ: nhận biết-thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 5.** *Thế nào là hiện tượng núi lửa? Nêu tác hại của núi lửa.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 5.**  - Núi lửa là hình thức phun trào mácma ở dưới sâu lên mặt đất. Trên thế giới có rất nhiều núi lửa, có những núi lửa tắt hoặc đang hoạt động.  - Tác hại của núi lửa: Núi lửa phun thường gây tác hại cho vùng lận cận. Tro bụi và dung nham của núi lửa có thể vùi lấp các thành thị, làng mạc, ruộng nương... |

**Bài 13. ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được đặc điểm của núi.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Núi là gì? Nêu các đặc điểm của núi.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Núi là một dạng địa hình nhô cao rõ rệt trên bề mặt đất. Núi thường có độ cao trên 500m so với mực nước biển (độ cao tuyệt đối), có đỉnh nhọn, sườn dốc. Nơi tiếp giáp giữa núi và mặt đất bằng phẳng ở xung quanh là chân núi. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được đặc điểm một số dạng địa hình núi.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Đặc điểm hình thái của núi trẻ là*  A. đỉnh nhọn, sườn dốc. C. đỉnh nhọn, sườn thoải.  B. đỉnh tròn, sườn ít thoải. D. đỉnh tròn, sườn dốc. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** A. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được đặc điểm một số dạng địa hình núi.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Đặc điểm hình thái của núi già là*  A. đỉnh nhọn, sườn thoải. C. đỉnh tròn, sườn dốc.  B. đỉnh nhọn, sườn dốc. D. đỉnh tròn, sườn thoải. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** D. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết phân biệt độ cao của núi.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Hãy phân biệt độ cao tương đối và độ cao tuyệt đối của núi.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  - Độ cao tương đối là độ cao (theo chiều thẳng đứng) tính từ chỗ thấp nhất của chân núi đến đỉnh núi.  - Độ cao tuyệt đối là độ cao (theo chiều thẳng đứng) tính từ mực trung bình của nước biển đến đỉnh núi. |

**Bài 14. ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được đặc điểm hình dạng, độ cao của bình nguyên.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Bình nguyên là gì? Nêu các đặc điểm của bình nguyên.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Bình nguyên (đồng bằng) là dạng địa hình thấp, có bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng. Bình nguyên thường có độ cao tuyệt đối dưới 200 m, nhưng cũng có những bình nguyên cao gần 500 m. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được ý nghĩa của bình nguyên đối với sản xuất nông nghiệp.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Hãy nêu ý nghĩa của bình nguyên đối với sản xuất nông nghiệp. Cho ví dụ.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Bình nguyên có địa hình bằng phẳng nên thường thuận lợi cho con người sinh sống và sản xuất nông nghiệp. Những bình nguyên (đồng bằng) do phù sa bồi tụ thuận lợi cho tưới tiêu, gieo trồng các loại cây lương thực, thực phẩm, dân cư đông đúc. Đây là vùng kinh tế phát triển, nhất là nông nghiệp. Ví dụ: vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được đặc điểm hình dạng, độ cao của cao nguyên.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Cao nguyên là gì? Nêu các đặc điểm của cao nguyên.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Cao nguyên là dạng địa hình thường có độ cao tuyệt đối trên 500 m. Cao nguyên cũng có bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, nhưng có sườn dốc, nhiều khi dựng đứng thành vách so với vùng đất xung quanh. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: I

\* Chủ đề: Địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được ý nghĩa của cao nguyên đối với sản xuất nông nghiệp.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Hãy nêu ý nghĩa của cao nguyên đối với sản xuất nông nghiệp. Cho ví dụ.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Cao nguyên có địa hình tương đối bằng phẳng nên thuận lợi cho canh tác nông nghiệp. Nhiều cao nguyên được hình thành từ dung nham núi lửa, có đất ba dan tốt, rất thích hợp với trồng cây công nghiệp và có nhiều đồng cỏ lớn thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn. Điển hình ở Việt Nam là vùng Tây Nguyên. |

**Bài 15. CÁC MỎ KHOÁNG SẢN**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Khoáng sản.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được khái niệm khoáng sản, mỏ khoáng sản.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Khoáng sản là gì?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Những khoáng vật và đá có ích, được con người khai thác, sử dụng gọi là khoáng sản. Những nơi tập trung khoáng sản thì gọi là mỏ khoáng sản. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Khoáng sản.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được khái niệm mỏ nội sinh.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Thế nào là mỏ nội sinh?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Những khoáng sản được hình thành do mác ma rồi được đưa lên gần mặt đất thành mỏ thì gọi là các mỏ khoáng sản nội sinh, như các mỏ: đồng, chì, kẽm, thiếc, vàng, bạc... |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Khoáng sản.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được khái niệm mỏ ngoại sinh.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Thế nào là mỏ ngoại sinh?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Những khoáng sản được hình thành trong quá trình tích tụ vật chất, thường ở những chỗ trũng cùng với các loại đá trầm tích thì gọi là các mỏ khoáng sản ngoại sinh, như các mỏ: than, đá vôi, cao lanh... |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Khoáng sản.

\* Chuẩn cần đánh giá: Kể tên và nêu được công dụng một số loại khoáng sản phổ biến.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Hãy nêu công dụng một số loại khoáng sản phổ biến.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Một số loại khoáng sản chủ yếu:  - Sắt: là khoáng sản kim loại phổ biến nhất, được khai thác và đưa vào sử dụng từ lâu đời. Sắt được sử dụng làm công cụ sản xuất, các máy móc, thiết bị…  - Than: là khoáng sản năng lượng được sử dụng phổ biến trong sản xuất (nhà máy nhiệt điện) và sinh hoạt.  - Dầu mỏ: sử dụng phổ biến làm nhiên liệu cho các phương tiện giao thông, các nhà máy điện, nguyên liệu cho công nghiệp hóa chất…  - Vàng: là kim loại quý sử dụng làm đồ trang sức và nguyên liệu trong công nghiệp… |

**Bài 16. Thực hành. ĐỌC BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỈ LỆ LỚN**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Đọc bản đồ địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết thế nào là đường đồng mức.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Đường đồng mức là những đường như thế nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Đường đồng mức là đường nối những điểm có cùng độ cao (hoặc độ sâu) trên bản đồ. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Đọc bản đồ địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết ý nghĩa của đường đồng mức.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Tại sao dựa vào các đường đồng mức, chúng ta có thể biết được các dạng của địa hình?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Bởi vì mức độ thưa hay dày sít của các đường đồng mức sẽ cho ta biết độ dốc hay thoải của địa hình. Các đường đồng mức càng dày sít thì độ dốc càng lớn và ngược lại. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Đọc bản đồ địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Đọc được bản đồ địa hình lớn.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Dựa vào hình dưới đây:*    Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn  *Hãy cho biết:*  *a) Sự chênh lệch về độ cao giữa 2 đường đồng mức trên lược đồ.*  *b) Độ cao của các đỉnh núi A1, A2 và các điểm B1, B2, B3.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.**  a) Sự chênh lệch về độ cao giữa 2 đường đồng mức là: 100 m  b) Độ cao của các đỉnh núi A1, A2 và các điểm B1, B2, B3:  - Độ cao của A1: 900 m.  - Độ cao của A2: trên 600 m.  - Độ cao của B1: 500 m.  - Độ cao của B2: 650 m.  - Độ cao của B3: trên 550 m. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Đọc bản đồ địa hình.

\* Chuẩn cần đánh giá: Đọc được bản đồ địa hình lớn.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 4.** *Dựa vào hình dưới đây:*    Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn  *Hãy cho biết độ dốc của sườn phía đông và sườn phía tây núi A1khác nhau như thế nào? Vì sao?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Sườn đông đỉnh núi A1 thoải hơn sườn tây (sườn tây dốc hơn sườn đông) vì khoảng cách giữa các đường đồng mức ở phía tây dày sít hơn phía đông |

**Bài 17. LỚP VỎ KHÍ**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được các thành phần của không khí.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 1.** *Hãy nêu các thành phần của không khí và vai trò của hơi nước trong không khí.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Trong không khí có các thành phần chủ yếu sau: khí Nitơ (chiếm 78%), khí Ôxi (chiếm 21%), còn lại là hơi nước và các khí khác (chiếm 1%). Lượng hơi nước tuy chiếm tỉ lện rất nhỏ nhưng lại là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa… |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được các tầng của lớp vỏ khí.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 2.** *Lớp vỏ khí (khí quyển) gồm mấy tầng? Là những tầng nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Lớp vỏ khí (khí quyển) gồm 3 tầng là: tầng đối lưu, tầng bình lưu và tầng cao của khí quyển. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được đặc điểm của tầng đối lưu.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 3.** *Hãy trình bày vị trí và đặc điểm của tầng đối lưu.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Tầng đối lưu là tầng nằm gần mặt đất (chiếm khoảng 90% lượng không khí). Trong tầng đối lưu luôn luôn có sự chuyển động của không khí theo chiều thẳng đứng và là nơi sinh ra các hiện tượng: mây, mưa, sấm, chớp… có ảnh hưởng lớn tới đời sống của các sinh vật sống trên Trái Đất.  Nhiệt độ trong tầng đối lưu giảm dần khi lên cao. Trung bình, cứ lên cao 100 m thì nhiệt độ lại giảm đi 0,60C. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được sự khác nhau của các khối khí nóng và khối khí lạnh.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| KHU VỰC VIẾT CÂU HỎI  **Câu 4.** *Khối khí nóng và lạnh hình thành ở đâu? Nêu tính chất của mỗi loại.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Khối khí nóng hình thành trên các vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao. Khối khí lạnh hình thành trên các vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được sự khác nhau của các khối khí lục địa và đại dương.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 5.** *Khối khí đại dương và lục địa hình thành ở đâu? Nêu tính chất của mỗi loại.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 5.** Khối khí đại dương hình thành trên các biển và đại dương, có độ ẩm lớn. Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô. |

**Bài 18. THỜI TIẾT, KHÍ HẬU VÀ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được nhiệt độ của không khí.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Thế nào là nhiệt độ không khí?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống Trái Đất, mặt đất hấp thụ rồi bức xạ vào không khí làm cho không khí nóng lên. Độ nóng lạnh đó gọi là nhiệt độ của không khí. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ của không khí.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Tại sao về mùa hạ ở gần biển mát hơn còn về mùa đông lại ấm hơn trong đất liền?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Về mùa hạ Mặt Trời chiếu sáng nhiều hơn, đất đá trên đất liền nhanh nóng hơn còn nước biển nóng chậm hơn vì thế nhiệt độ ở vùng gần biển mát hơn so với trong đất liền. Ngược lại, về mùa đông nước biển lạnh chậm hơn so với đất liền nên vùng ven biển ấm hơn so với trong đất liền. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ của không khí.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Càng lên cao nhiệt độ không khí*  A. càng tăng. C. không thay đổi.  B. càng giảm. D. thay đổi tùy từng thời điểm. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** B. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ của không khí.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Tại sao càng xa Xích đạo, nhiệt độ không khí càng giảm?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Ở Xích đạo, quanh năm nhận được lượng nhiệt mặt trời lớn nên nhiệt độ không khí cao, càng xa Xích đạo, mặt đất nhận được ít nhiệt hơn nên nhiệt độ không khí cũng giảm đi. |

**Bài 19. KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Khí áp.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được khái niệm khí áp.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** Kh*í áp là*  A. sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất.  B. sức ép của không khí lên các đồ vật.  C. trọng lượng của không khí.  D.sức ép của cột thuỷ ngân có tiết diện 1cm2 và cao 760 mm. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** A. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Khí áp.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được sự phân bố các đai khí áp.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Các đai khí áp thấp và khí áp cao nằm ở những vĩ độ nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Khí áp được phân bố trên Trái Đất thành các đai khí áp thấp và khí áp cao từ Xích đạo về cực.  - Các đai khí áp thấp nằm ở khoảng vĩ độ 0o và khoảng vĩ độ 60o Bắc và Nam.  - Các đai khí áp cao nằm ở khoảng vĩ độ 30o Bắc, Nam và 90o Bắc, Nam (cực Bắc và Nam). |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Khí áp.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được đặc điểm của gió Tín phong.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Gió là gì? Nêu* *đặc điểm của gió Tín phong.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.**  - Gió là sự chuyển động của không khí từ các khu khí áp cao về các khu khí áp thấp.  - Tín phong là loại gió thổi ở hai bên Xích đạo, theo một chiều, quanh năm từ khoảng các vĩ độ 300 Bắc và Nam về Xích đạo. Do sự vận động tự quay của Trái Đất nên Tín phong không thổi thẳng theo hướng kinh tuyến mà hơi lệch về phía tay phải ở nửa cầu Bắc và về phía tay trái ở nửa cầu Nam (nếu nhìn xuôi theo chiều gió thổi). |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Khí áp.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được đặc điểm của gió Tây ôn đới.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Nêu* *đặc điểm của gió Tây ôn đới.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  - Gió Tây ôn đới là loại gió thổi thường xuyên quan trọng nhất trên Trái Đất, thổi theo một chiều quanh năm, từ khoảng các vĩ độ 300 Bắc và Nam lên khoảng các vĩ độ 600 Bắc và Nam.  - Do sự vận động tự quay của Trái Đất nên gió Tây ôn đới không thổi thẳng theo hướng kinh tuyến mà hơi lệch về phía tay phải ở nửa cầu Bắc và về phía tay trái ở nửa cầu Nam (nếu nhìn xuôi theo chiều gió thổi). |

**Bài 20. HƠI NƯỚC TRONG KHÔNG KHÍ. MƯA**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được vì sao không khí có độ ẩm.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Vì sao không khí có độ ẩm?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Không khí có độ ẩm vì: Không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định, lượng hơi nước đó làm cho không khí có độ ẩm. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được mối quan hệ giữa nhiệt độ không khí và độ ẩm.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Nhiệt độ không khí có ảnh hưởng như thế nào tới khả năng chứa hơi nước của không khí?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Nhiệt độ có ảnh hưởng đến khả năng chứa hơi nước của không khí. Nhiệt độ không khí càng cao, lượng hơi nước chứa được càng nhiều. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được quá trình ngưng tụ hơi nước.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Trong điều kiện nào, hơi nước trong không khí sẽ ngưng tụ?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.**  - Không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định. Khi không khí đã chứa được lượng hơi nước tối đa thì gọi là không khí đã bão hoà hơi nước.  - Không khí đã bão hoà mà vẫn được cung cấp thêm hơi nước hoặc bị lạnh đi do bốc lên cao, hay do tiếp xúc với một khối không khí lạnh thì hơi nước trong không khí sẽ ngưng tụ, tạo thành hạt nước. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được quá trình tạo thành mây, mưa.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Trình bày sự hình thành mây và mưa.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Không khí khi bốc lên cao, bị lạnh dần, không khí sẽ ngưng tụ thành các hạt nước nhỏ, tạo thành mây. Gặp điều kiện thuận lợi, hơi nước tiếp tục ngưng tụ, làm các hạt nước to dần, rồi rơi xuống đất thành mưa. |

**Bài 21. Thực hành. PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Đọc được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI    **Câu 1.** *Dựa vào biểu đồ dưới đây:*  Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội  *Hãy cho biết yếu tố nào biểu hiện theo đường? Yếu tố nào biểu hiện theo cột?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Yếu tố nhiệt độ được biểu hiện theo đường. Yếu tố lượng mưa được biểu hiện theo cột. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Đọc được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Dựa vào biểu đồ dưới đây:*    Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội  *Hãy cho biết nhiệt độ cao nhất vào tháng nào; nhiệt độ thấp nhất vào tháng nào? Hãy cho biết lượng mưa cao nhất vào tháng nào; lượng mưa thấp nhất ào tháng nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.**  **-** Nhiệt độcao nhất là tháng 7.  **-** Nhiệt độthấp nhất là tháng 1.  - Lượng mưa cao nhất là tháng 8.  **-** Lượng mưa thấp nhất là tháng 12. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ khí.

\* Chuẩn cần đánh giá: Đọc được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.

\* Mức độ: vận dụng

|  |
| --- |
| CÂU HỎI      **Câu 3.** *Quan sát biểu đồ dưới đây:*    Biểu đồ lượng mưa của TP. Hồ Chí Minh  *Hãy cho biết:*  *- Tháng nào có mưa nhiều nhất? Lượng mưa khoảng bao nhiêu mm?*  *- Tháng nào có mưa ít nhất? Lượng mưa khoảng bao nhiêu mm?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.**  - Tháng có mưa nhiều nhất là tháng 9; lượng mưa khoảng 325mm.  - Tháng có mưa ít nhất là tháng 2; lượng mưa khoảng 10 mm. |

**Bài 22. CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Các đới khí hậu trên Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được các đới khí hậu trên Trái Đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Trên Trái Đất có bao nhiêu đới khí hậu, đó là những đới nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Trên Trái Đất có 5 đới khí hậu: đới nóng (hay nhiệt đới), hai đới ôn hòa (hay ôn đới), hai đới lạnh (hay hàn đới) |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Các đới khí hậu trên Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được giới hạn và đặc điểm của đới nóng.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Trình bày giới hạn và đặc điểm của đới nóng.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.**  - Giới hạn từ khoảng chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam (23027'B - 23027'N).  - Đặc điểm khí hậu đới nóng*:*  + Lượng nhiệt hấp thụ được tương đối nhiều nên nóng quanh năm.  + Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là Tín phong.  + Lượng mưa trung bình năm từ 1000 mm đến trên 2000 mm. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Các đới khí hậu trên Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được giới hạn và đặc điểm của đới ôn hòa.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Trình bày giới hạn và đặc điểm của đới ôn hòa.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.**  - Có 2 đới ôn hòa, khoảng từ chí tuyến Bắc (23027'B) đến vòng cực Bắc (66033'B) và từ chí tuyến Nam (23027'N) đến vòng cực Nam (66033'N).  - Đặc điểm khí hậu đới ôn hòa:  + Lượng nhiệt nhận được trung bình, bốn mùa thể hiện rất rõ trong năm.  + Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là gió Tây ôn đới.  + Lượng mưa trung bình năm từ 500 mm đến trên 1.000 mm. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Các đới khí hậu trên Trái Đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được giới hạn và đặc điểm của đới lạnh.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Trình bày giới hạn và đặc điểm của đới lạnh.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  - Có 2 đới ôn lạnh, từ vòng cực Bắc (66033'B) đến cực Bắc và từ vòng cực Nam (66033'N) đến cực Nam.  - Đặc điểm khí hậu đới lạnh:  + Lượng nhiệt nhận được rất thấp, lạnh giá quanh năm.  + Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là gió Đông cực.  + Lượng mưa trung bình năm thường dưới 500 mm. |

**Bài 23. SÔNG VÀ HỒ**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được khái niệm sông, lưu vực sông, hệ thống sông, lưu lượng nước.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Thế nào là sông, lưu vực sông, hệ thống sông, lưu lượng nước sông?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.**  - Sông là dòng chảy thường xuyên, tương đối ổn định trên bề mặt lục địa, được các nguồn nước mưa, nước ngầm, nước băng tuyết tan nuôi dưỡng.  - Lưu vực sông là diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông.  - Dòng sông chính cùng các chi lưu, phụ lưu họp thành hệ thống sông.  - Lưu lượng sông là lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một địa điểm nào đó, trong một giây đồng hồ (m3/s) |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được mối quan hệ giữa nguồn cấp nước và chế độ nước sông.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Chế độ nước sông sẽ phức tạp nếu sông có nguồn cung cấp nước là*  A. nước mưa. C. nước ngầm và nước mưa.  B. băng tuyết tan. D. nhiều nguồn cung cấp nước. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** D. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được mối quan hệ giữa nguồn cấp nước và chế độ nước sông.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Nếu nguồn cung cấp nước cho sông chủ yếu là do băng tuyết tan thì lưu lượng của sông sẽ lớn về mùa*  A. hạ. B. xuân.  C. thu. D. đông. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** B. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được khái niệm hồ, phân loại hồ.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** Thế nào là hồ? Hãy kể tên một số hồ ở nước ta. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  - Hồ là những khoảng nước đọng tương đối rộng và sâu trong đất liền.  - Phân loại hồ: hồ kiến tạo, hồ móng ngựa (hình thành từ đoạn sông cũ), hồ nhân tạo (hình thành do đắp đập ngăn sông)...  - Một số hồ nổi tiếng ở nước ta: Hồ Tây (hồ móng ngựa), hồ Ba Bể (hồ kiến tạo), hồ Hòa Bình, Trị An (hồ nhân tạo)... |

**Bài 24. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được độ muối của nước biển và đại dương.

\* Mức độ: nhận biết - thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là bao nhiêu? Độ muối của các biển và đại dương có giống nhau không? Vì sao?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.**  - Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là 35‰*.*  - Có sự khác nhau về độ muối của các biển và đại dương. Độ muối của các biển và đại dương không giống nhau tuỳ thuộc vào nguồn nước sông đổ vào nhiều hay ít và độ bốc hơi lớn hay nhỏ. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được các hình thức vận động của nước biển và đại dương.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Nước biển và đại dương có những hình thức vận động nào? Nguyên nhân nào sinh ra sóng biển?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.**  - Nước biển và đại dương có 3 hình thức vận động là: sóng, thủy triều và dòng biển*.*  - Sóng biển là hình thức dao động tại chỗcủa nước biển và đại dương.  - Nguyên nhân sinh ra sóng biển chủ yếu là gió. Động đất ngầm dưới đáy biển sinh ra sóng thần. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được các hình thức vận động của nước biển và đại dương.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Nguyên nhân nào sinh ra dòng biển?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.**  - Dòng biển là hiện tượng chuyển động của lớp nước biển trên mặt, tạo thành các dòng chảy trong các biển và đại dương.  - Nguyên nhân sinh ra các dòng biển chủ yếu là các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất như Tín phong, gió Tây ôn đới... |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Biết được các hình thức vận động của nước biển và đại dương.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Nguyên nhân sinh ra thuỷ triều là do*  A. sức hút của các hành tinh trong hệ Mặt Trời.  B. sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời.  C. sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.  D. chênh lệch mực nước biển giữa ngày và đêm. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** B. |

**Bài 25. Thực hành. SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA CÁC DÒNG BIỂN**

**TRONG ĐẠI DƯƠNG**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được sự vận động của các dòng biển trong đại dương.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Nguyên nhân sinh ra các dòng biển chủ yếu là do*  A. chênh lệch về độ mặn giữa các biển và đại dương.  B. chênh lệch về mực nước giữa các biển và đại dương.  C. các loại gió trên Trái Đất.  D. các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** D. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được sự vận động của các dòng biển trong đại dương.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Các dòng biển nóng thường chuyển động từ vĩ độ nào đến vĩ độ nào, các dòng biển lạnh thường chuyển động từ vĩ độ nào đến vĩ độ nào?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.**  - Các dòng biển nóng thường chảy từ các vùng vĩ độ thấp lên các vùng vĩ độ cao.  - Các dòng biển lạnh thường chảy từ các vùng vĩ độ cao về các vùng vĩ độ thấp. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được ảnh hưởng của các dòng biển nóng.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *So với**những vùng cùng vĩ độ,**khí hậu**nơi có dòng biển nóng đi qua thường*  A. ấm hơn, mưa nhiều hơn. C. lạnh hơn, mưa ít hơn.  B. ấm hơn, mưa ít hơn. D. lạnh hơn, mưa nhiều hơn. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** A. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp nước.

\* Chuẩn cần đánh giá: Nêu được ảnh hưởng của các dòng biển lạnh.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** So vớinhững vùng cùng vĩ độ,khí hậunơi có dòng biển lạnh đi qua thường  A. ấm hơn, mưa nhiều hơn. C. lạnh hơn, mưa ít hơn.  B. ấm hơn, mưa ít hơn. D. lạnh hơn, mưa nhiều hơn. |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** D. |

**Bài 26. ĐẤT. CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được khái niệm lớp đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Nêu khái niệm về đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Lớp vật chất mỏng, vụn bở, bao phủ trên bề mặt các lục địa và đảo, được đặc trưng bởi độ phì gọi là lớp đất (hay thổ nhưỡng). |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được các thành phần chính của đất.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Hãy trình bày các thành phần chính của đất.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.** Lớp đất có hai thành phần chính là thành phần khoáng và thành phần hữu cơ.  - Thành phần khoáng chiếm phần lớn trọng lượng của đất, gồm những hạt khoáng có màu sắc loang lổ và kích thước to nhỏ khác nhau.  - Thành phần hữu cơ chiếm một tỉ lệ nhỏ, tồn tại chủ yếu trong tầng trên cùng của lớp đất; chất hữu cơ tạo thành chất mùn có màu đen hoặc xám thẫm. Chất mùn là nguồn thức ăn dồi dào, cung cấp những chất cần thiết cho thực vật trên mặt đất. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Đá mẹ có vai trò như thế nào trong việc hình thành đất?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Đá mẹ là nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất. Đá mẹ có ảnh hưởng đến màu sắc và tính chất của đất. Những loại đất hình thành trên đá mẹ là ba dan hoặc đá vôi có chứa nhiều chất làm thức ăn cho cây trồng, đó là những loại đất tốt trong nông nghiệp. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp đất.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Khí hậu có vai trò như thế nào trong việc hình thành đất?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.** Khí hậu, đặc biệt là nhiệt độ và lượng mưa tạo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn cho quá trình phân giải các chất khoáng và chất hữu cơ trong đất. |

**Bài 27.**

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ sinh vật.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được khái niệm lớp vỏ sinh vật.

\* Mức độ: nhận biết

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 1.** *Thế nào là lớp vỏ sinh vật?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 1.** Sinh vật sống trong các lớp đất đá, không khí và lớp nước, tạo thành một lớp vỏ mới liên tục bao quanh Trái Đất. Đó là lớp vỏ sinh vật. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ sinh vật.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên đến sự phân bố sinh vật trên Trái Đất.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 2.** *Khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến phân bố thực vật? Cho ví dụ.* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 2.**  - Khí hậu có ảnh hưởng rõ rệt nhất đến sự phân bố thực vật: tùy theo đặc điểm khí hậu ở mỗi nơi mà có các loài thực vật khác nhau. Mức độ phong phú hay nghèo nàn của thực vật ở một nơi chủ yếu do khí hậu quyết định.  - Ví dụ: Khu vực xích đạo quanh năm có khí hậu nóng, ẩm nên rừng rậm phát triển với nhiều loại cây, mọc thành nhiều tầng; miền gần cực có khí hậu giá lạnh, thực vật phát triển khó khăn, chỉ có rêu, địa y... sinh trưởng trong mùa hạ. |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ sinh vật.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên đến sự phân bố sinh vật trên Trái Đất.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 3.** *Thực vật có ảnh hưởng như thế nào đối với sự phân bố động vật?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 3.** Thực vật và động vật có mối quan hệ chặt chẽ với nhau bởi thực vật là thức ăn của động vật ăn cỏ, động vật ăn cỏ là thức ăn của động vật ăn thịt; nơi thực vật phong phú thì động vật cũng phong phú,... |

***Thông tin chung***

\* Khối: 6 Học kì: II

\* Chủ đề: Lớp vỏ sinh vật.

\* Chuẩn cần đánh giá: Trình bày được ảnh hưởng của con người đến sự phân bố sinh vật trên Trái Đất.

\* Mức độ: thông hiểu

|  |
| --- |
| CÂU HỎI  **Câu 4.** *Con người có ảnh hưởng như thế nào đối với sự phân bố động vật và thực vật?* |
| GỢI Ý TRẢ LỜI HOẶC ĐÁP ÁN  **Câu 4.**  - Ảnh hưởng tích cực: con người đã mở rộng phạm vi phân bố của thực vật và động vật bằng cách mang các giống cây trồng, vật nuôi từ nơi này đến nơi khác.  - Ảnh hưởng tiêu cực: con người đã thu hẹp nơi sinh sống của nhiều loài động, thực vật; việc khai thác rừng bừa bãi làm cho nhiều loài động vật mất nơi cư trú. |